

Số: /TB-STNMT

Kon Tum, ngày tháng năm 2024

## THÔNG BÁO

### Về việc lựa chọn tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật Đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 108/2020/TT-BTC ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật Đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ Tư Pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND ngày 02/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 639/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản năm 2024 và Quyết định số 685/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt bổ sung Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 713/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum Về việc phê duyệt giá khởi điểm, bước giá của các khu vực khoáng sản thuộc Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 200/QĐ-STNMT ngày 04 tháng 11 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt Dự toán - Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Dịch vụ tư vấn tổ chức đấu giá tài sản.

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo về việc lựa chọn tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum để tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với 19 khu vực khoáng sản thuộc Kế hoạch đấu giá

quyền khai thác khoáng sản năm 2024, với các nội dung như sau:

**1. Tên, địa chỉ của tổ chức được giao tổ chức thực hiện việc đấu giá:**

- Tên đơn vị: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum.
- Địa chỉ: Tầng 5 - Tòa nhà B Trung tâm Hành chính tỉnh Kon Tum (*Trụ sở làm việc của các Sở, ban, ngành thuộc Khối Tổng hợp*), Tổ 8, Phường Thống Nhất, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

**2. Tên tài sản, số lượng, giá khởi điểm của tài sản đấu giá:**

- Tên tài sản: Quyền khai thác khoáng sản đối với 19 khu vực thuộc Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản năm 2024.
- Số lượng, tài nguyên dự báo, giá khởi điểm (*Chi tiết có Phụ lục I kèm theo*).

**3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản:**

Các tổ chức đấu giá tài sản đăng ký tham gia tổ chức đấu giá phải đáp ứng các tiêu chí quy định tại Khoản 4, Điều 56 Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016 và Điều 3 Thông tư số 02/2022/TT-BTP của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản, bao gồm:

- Nhóm tiêu chí về cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá.
- Nhóm tiêu chí về phương án đấu giá khả thi, hiệu quả.
- Nhóm tiêu chí về năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản.
- Nhóm tiêu chí về thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp.
- Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố.
- Nhóm tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định

(*Cụ thể các tiêu chí đánh giá, chấm điểm để lựa chọn tại Phụ lục II kèm theo*)

**4. Hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá:**

- Hồ sơ nộp để đăng ký tham gia tổ chức đấu giá gồm:
- Văn bản đề nghị đăng ký tham gia tổ chức đấu giá.
  - Các giấy tờ chứng minh đáp ứng các tiêu chí lựa chọn Tổ chức đấu giá tài sản ghi tại Mục 3 nêu trên.

**5. Phương thức lựa chọn:**

Việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản được thực hiện trên cơ sở chấm điểm đối với các hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá, có thành phần, hình thức, nội dung trong hồ sơ đảm bảo theo thành phần, nội dung quy định tại Mục 4 và được nộp theo đúng thời gian ghi tại Mục 6 của Thông báo này.

Sở Tài nguyên và Môi trường căn cứ thông tin trong hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá của tổ chức đấu giá tài sản, chấm điểm theo tất cả các tiêu chí quy định tại Bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm lựa chọn tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản kèm theo Thông báo này; xử lý các tình huống theo quy định tại

các khoản 4, 5, 6 và 7 Điều 5 Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ Tư pháp về hướng dẫn lựa chọn Tổ chức đấu giá tài sản.

Tổ chức đấu giá tài sản chịu trách nhiệm đối với thông tin, các giấy tờ, tài liệu chứng minh trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn của mình. Tổ chức đấu giá tài sản có thể gửi kèm theo bản đánh máy hoặc bản chụp các giấy tờ, tài liệu chứng minh trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn của mình. Các tiêu chí không có trong hồ sơ, không có giấy tờ chứng minh sẽ không được xem xét, chấm điểm.

Trong trường hợp chỉ có một đơn vị đăng ký tham gia tổ chức đấu giá, đơn vị sẽ được lựa chọn nếu đáp ứng các điều kiện, tiêu chí theo quy định. Trường hợp không có đơn vị nào đăng ký hoặc đơn vị đăng ký không đáp ứng các tiêu chí đưa ra, Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ thực hiện thông báo lại việc lựa chọn Tổ chức đấu giá tài sản.

## **6. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia:**

6.1. Thời gian nộp hồ sơ: 05 ngày (*làm việc*) kể từ ngày thông báo về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản (*trong giờ hành chính các ngày làm việc*).

Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc gửi theo đường bưu điện (*Hồ sơ gửi theo đường bưu điện được tính theo dấu bưu điện trước 17 giờ của ngày kết thúc thông báo*).

6.2. Địa điểm nộp hồ sơ: Văn thư Sở Tài nguyên và Môi trường, tầng 2, tòa nhà B, Trung tâm Hành chính, tổ 8, phường Thống Nhất, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Số điện thoại: 02603.862481.

*\* Lưu ý: Không hoàn trả hồ sơ đối với các hồ sơ không được lựa chọn.*

Sở Tài nguyên và Môi trường báo để các tổ chức đấu giá tài sản được biết và đăng ký tham gia./.

### **Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (b/c);
- Công TTĐT Quốc gia về đấu giá tài sản (đăng t/báo);
- Công TTĐT tỉnh - VP UBND tỉnh (đăng t/báo);
- Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Kon Tum (đăng t/báo);
- Giám đốc Sở (b/c);
- Lưu: VT, TNKSN<sub>DMH</sub>.

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Văn Lộc**

**Phụ lục I:****THÔNG TIN CÁC KHU VỰC KHOÁNG SẢN TỔ CHỨC ĐẦU GIÁ NĂM 2024**

(Kèm theo Thông báo số /TB-STNMT ngày tháng năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

<b>Số TT</b>	<b>Loại khoáng sản</b>	<b>Địa điểm</b>	<b>Diện tích (ha)</b>	<b>Tài nguyên dự báo (m<sup>3</sup>)</b>	<b>Giá khởi điểm R<sub>kd</sub> (%)</b>	<b>Giá trị tiền cấp quyền khởi điểm (đồng)</b>	<b>Bước giá (%)</b>
1	Cát làm VLXDTT	Thôn 13 xã Đăk Ruông và thôn 3, xã Tân Lập, huyện Kon Rẫy (Vị trí 1)	2,5	25.000	5	310.078.125	0,15
2	Cát làm VLXDTT	Thôn 13 xã Đăk Ruông và thôn 3, xã Tân Lập, huyện Kon Rẫy (Vị trí 2)	2	20.000	5	248.062.500	0,15
3	Cát làm VLXDTT	Thôn 10, 11 xã Đăk Ruông, huyện Kon Rẫy	5	50.000	5	620.156.250	0,10
4	Cát làm VLXDTT	Thôn Đăk Puih, xã Đăk Tờ Re, huyện Kon Rẫy	3,6	44.400	5	550.698.750	0,10
5	Cát làm VLXDTT	Thôn 1, xã Đăk Tơ Lung, huyện Kon Rẫy	2	20.500	5	254.264.063	0,15
6	Cát làm VLXDTT	Thôn Kon Du, xã Măng Cành, huyện Kon Plông	0,4	6.545	5	81.178.453	0,15
7	Cát làm VLXDTT	Thôn Kon Tu Răng, xã Măng Cành, huyện Kon Plông	2,02	32.320	5	400.869.000	0,15
8	Cát làm VLXDTT	Thôn 1 và 2 xã Diên Bình, huyện Đăk Tô	1,25	12.500	5	155.039.063	0,15
9	Cát làm VLXDTT	Thôn Kon Pring và thôn Đăk Chờ, xã Ngọc Tụ, huyện Đăk Tô	0,5	5.000	5	62.015.625	0,15
10	Cát làm VLXDTT	Thôn 6, xã Kon Đào, huyện Đăk Tô	0,4	4.000	5	49.612.500	0,15

11	Cát làm VLXDĐT	Ranh giới Thôn Broong Mỹ, xã Đăk Môn, huyện Đăk Glei và Thôn Đăk Đăk Giá 2, xã Đăk Ang, huyện Ngọc Hồi	1,5	15.000	5	186.046.875	0,15
12	Cát làm VLXDĐT	Ranh giới Thôn Broong Mỹ, xã Đăk Môn, huyện Đăk Glei và Thôn Đăk Đăk Giá 1, xã Đăk Ang, huyện Ngọc Hồi	8,5	85.000	5	1.054.265.625	0,05
13	Cát làm VLXDĐT	Xã Đăk Ang và xã Đăk Dục, huyện Ngọc Hồi	2,87	28.700	5	355.969.688	0,15
14	Cát làm VLXDĐT	Xã Hơ Moong, xã Sa Nghĩa, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum và xã Hà Môn, huyện Đăk Hà	20	200.000	5	2.480.625.000	0,05
15	Cát làm VLXDĐT	Làng Lung, xã Ya Xiêr, huyện Sa Thầy	1,57	15.700	5	194.729.063	0,15
16	Đất làm VLXDĐT	Thôn Kon Tu Peng, xã Pô Kô, huyện Đăk Tô	4,61	1.097.180	3	1.872.524.191	0,03
17	Đất làm VLXDĐT	Thôn Kon Gur, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum	3,3	785.400	3	1.340.418.618	0,03
18	Đá làm VLXDĐT	Thôn 1B, xã Đăk La, huyện Đăk Hà	4,13	867.300	3	3.454.022.250	0,03
19	Đá làm VLXDĐT	Thôn 5, xã Hòa Bình, thành phố Kon Tum	1,6	160.000	3	637.200.000	0,06

**Phụ lục II:**

**BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM LỰA CHỌN  
TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**  
(Kèm theo Thông báo số /TB-STNMT ngày tháng năm 2024  
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

<b>TT</b>	<b>NỘI DUNG</b>	<b>MỨC ĐIỂM TỐI ĐA</b>
<b>I</b>	<b>Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá</b>	<b>23,0</b>
1	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	11,0
1.1	Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)	6,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện	5,0
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	8,0
2.1	Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá	4,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá	4,0
3	Có trang thông tin điện tử đang hoạt động	2,0
4	Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	1,0
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
<b>II</b>	<b>Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)</b>	<b>22,0</b>
1	Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan	4,0
2	Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
3	Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, đùm giã	4,0
4	Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ	4,0

<b>TT</b>	<b>NỘI DUNG</b>	<b>MỨC ĐIỂM TỐI ĐA</b>
	biến thông tin đấu giá	
5	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá	3,0
6	Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá	3,0
<b>III</b>	<b>Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản</b>	<b>45,0</b>
1	Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5	6,0
1.1	Dưới 03 hợp đồng	2,0
1.2	Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng	3,0
1.3	Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng	4,0
1.4	Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng	5,0
1.5	Từ 30 hợp đồng trở lên	6,0
2	Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5	18,0
2.1	Dưới 20%	10,0
2.2	Từ 20% đến dưới 40%	12,0
2.3	Từ 40% đến dưới 70%	14,0
2.4	Từ 70% đến dưới 100%	16,0
2.5	Từ 100% trở lên	18,0
3	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy	5,0

TT	NỘI DUNG	MỨC ĐIỂM TỐI ĐA
	<p>đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực)</p> <p>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3</p>	
3.1	Dưới 03 năm	3,0
3.2	Từ 03 năm đến dưới 05 năm	4,0
3.3	Từ 05 năm trở lên	5,0
4	<p>Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản</p> <p>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3</p>	3,0
4.1	01 đấu giá viên	1,0
4.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	2,0
4.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	3,0
5	<p>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản</p> <p><i>(Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản)</i></p> <p>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3</p>	4,0
5.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	2,0
5.2	Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	3,0
5.3	Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	4,0
6	<p>Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng</p> <p>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4</p>	5,0
6.1	Dưới 50 triệu đồng	2,0



<b>TT</b>	<b>NỘI DUNG</b>	<b>MỨC ĐIỂM TỐI ĐA</b>
6.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	3,0
6.3	Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng	4,0
6.4	Từ 200 triệu đồng trở lên	5,0
7	Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2	3,0
7.1	Dưới 03 nhân viên	2,0
7.2	Từ 03 nhân viên trở lên	3,0
8	Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn	1,0
<b>IV</b>	<b>Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3</b>	<b>5,0</b>
1	Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính	3,0
2	Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	4,0
3	Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	5,0
<b>V</b>	<b>Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định</b>	<b>5,0</b>
<b>Tổng số điểm</b>		<b>100</b>
<b>VI</b>	<b>Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</b>	
1	Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện